

NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN 1

(PROGRAMME LEVEL)

Name of University/Address Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM		Faculty/School Khoa Điện điện tử
Management Representative/Designation TS. Nguyễn Minh Tâm/Quyền Trưởng Khoa	Email tamnm@hcmute.edu.vn	Telephone:
Programme Title Bachelor Degree in Electrical Electronic Engineering Technology		Date:
Assessor(s): TS. Đặng Trường Sơn, HCMUTE		
Criteria		
1. Expected Learning Outcomes (4)		
2. Programme Specification (3)		
3. Programme Structure and Content (7)		
4. Teaching and Learning Strategy (4)		
5. Student Assessment (7)		
6. Academic Staff Quality (10)		
7. Support Staff Quality (4)		
8. Student Quality (3)		
9. Student Advice and Support (4)		
10. Facilities and Infrastructure (5)		
11. Quality Assurance of Teaching and Learning Process (7)		
12. Staff Development Activities (2)		
13. Stakeholders Feedback (3)		
14. Output (4)		
15. Stakeholders Satisfaction (1)		

TIÊU CHUẨN		ĐÁNH GIÁ VÀ NHẬN XÉT
6. Academic Staff Quality	6.1 The staff are competent for their tasks	- Thống nhất về đánh số các minh chứng. Minh chứng tiêu chuẩn nào phải đánh số bắt đầu của tiêu chuẩn đó. Một minh chứng có thể có nhiều số hiệu. Các minh chứng phải có tên để có thể có khái niệm về nội dung - Các minh chứng với số hiệu ở tiêu chuẩn khác rất không tiện lợi cho việc tra cứu. Tham chiếu đến các minh chứng phải được in đậm
	6.2 The staff are sufficient to deliver the curriculum adequately	- Thống kê các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình (GV Khoa, GV các đơn vị khác trong trường và GV thỉnh giảng). - Bổ sung thống kê về FTE các GV tham gia giảng dạy và các SV học chương trình công nghệ kỹ thuật ô-tô (lập bảng theo hướng dẫn). - Bổ sung thông tin về SV tốt nghiệp chương trình (lập bảng theo hướng dẫn).
	6.3 Recruitment and promotion are based on academic merits	- Bổ sung minh chứng liên quan tới việc khen thưởng GV dựa trên đánh giá về việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy (Quy định của trường, quyết định khen thưởng...) - Đánh giá của đồng nghiệp và phản hồi của sinh viên về kết quả giảng dạy của GV
	6.4 The roles and relationship of staff members are well defined and understood	- Minh chứng về GV đã được phổ biến các thông tin liên quan đến chức năng và nhiệm vụ GV (ví dụ trên website của khoa), sơ đồ phân cấp quản lý của khoa, chức năng nhiệm vụ của GV
	6.5 Duties allocated are appropriate to qualifications, experience and skills	- Bổ sung minh chứng các qui định của nhà trường liên quan đến mục này
	6.6 Staff workload and incentive systems are designed to support the quality of teaching and learning	- Chưa có thông tin thống kê về khối lượng làm việc thực sự của GV (giảng dạy, NCKH, phục vụ) - Giới thiệu về triển khai áp dụng hệ thống đánh giá GV theo KPIs
	6.7 Accountability of the staff members is well regulated	Viết dựa vào các minh chứng liên quan đến qui định của nhà nước và của nhà trường về trách nhiệm và quyền lợi của CBVC, GV. Minh chứng về việc áp dụng các qui định đó trong khoa

	6.8 There are provisions for review, consultation, and redeployment	- Bổ sung đánh giá giảng viên dựa trên việc dự giờ - Viết còn sơ sài
	6.9 Termination and retirement are planned and well implemented	- Bổ sung văn bản của trường liên quan đến nghỉ hưu hoặc cho thôi việc - Viết còn sơ sài
	6.10 There is an efficient appraisal system	- Giới thiệu về hệ thống KPIs - Viết còn sơ sài
7. Support Staff Quality	7.1 The library staff are competent and adequate in providing a satisfactory level of service	- Số thứ tự cho tiêu chuẩn này cần được xem xét lại - Bổ sung các minh chứng liên quan đến thư viện của trường và khoa (nếu có) - Các minh chứng về thư viện của trường cần được bổ sung và làm rõ hơn
	7.2 The laboratory staff are competent and adequate in providing a satisfactory level of service	- Bổ sung thống kê danh sách phòng thí nghiệm của khoa phục vụ cho chương trình - Bổ sung thống kê về danh sách nhân viên phòng thí nghiệm, chức danh, nhiệm vụ của từng người
	7.3 The computer facility staff are competent and adequate in providing a satisfactory level of service	- Bổ sung danh sách các phòng máy tính của trường phục vụ cho công tác giảng dạy tại khoa và phòng máy tính của riêng khoa (hoặc của chương trình điện-điện tử). Tên nhân viên phụ trách. - Hoàn thiện các bảng thống kê
	7.4 The student services staff are competent and adequate in providing a satisfactory level of service	- Bổ sung các minh chứng liên quan đến đội ngũ phục vụ như: Bảng cấp, mô tả công việc, hệ thống đánh giá, phát triển nghề nghiệp, phân bổ và khối lượng công việc, qui trình tuyển dụng, miễn nhiệm, ... - Bỏ đi các check list tự đánh giá - Tên các minh chứng chưa phù hợp
10. Facilities and Infrastructure	10.1 The lecture facilities (lecture halls, small course rooms) are adequate	- Bổ sung mô tả về số lượng phòng học, phương tiện dạy học và kinh phí đầu tư - Danh sách các phòng lab chuyển đến mục 10.3
	10.2 The library is adequate and up-to- date	- Phân biệt giữa sách của thư viện trường và của khoa/bộ môn - Các loại sách, tạp chí, ebooks,...

	10.3 The laboratories are adequate and up-to- date	- Đưa các mô tả về phòng lab ở mục 10.1 xuống đây
	10.4 The computer facilities are adequate and up-to- date	- Mô tả hệ thống máy tính của trường phục vụ cho việc học tập và hệ thống của khoa phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu (kèm theo các minh chứng)
	10.5 Environmental health and safety standards meet requirements in all aspects	- Bổ sung minh chứng về các tiêu chuẩn an toàn cho các phòng TN/phòng máy/ ... - Bổ sung các minh chứng liên quan đến vệ sinh môi trường, cảnh quan trong trường - Xem lại tên các minh chứng - Bỏ đi check list tự đánh giá
12. Staff Development Activities	12.1 There is a clear plan on the needs for training and development of both academic and support staff	- Bổ sung các qui định của trường liên quan tới phát triển đội ngũ (ngoại ngữ, tin học, chuyên môn...) - Bổ sung các minh chứng của khoa đã thực hiện theo các qui định của trường
	12.2 The training and development activities for both academic and support staff are adequate to the identified needs	- Bổ sung các minh chứng về thực hiện các hoạt động nâng cao trình độ phù hợp với các mục tiêu phát triển của trường (cả đội ngũ GV lẫn cán bộ phục vụ) - Bỏ đi các check list tự đánh giá
14. Output	14.1 The pass rate is satisfactory and dropout rate is of acceptable level	Tỷ lệ SV bỏ học nên để % để dễ đánh giá
	14.2 Average time to graduate is satisfactory	Chưa có thống kê về tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn, kéo dài và đánh giá nhận xét trên tỷ lệ này
	14.3 Employability of graduates is satisfactory	Nên trích dẫn thông tin tỷ lệ sinh viên có việc làm trong các năm gần đây và so sánh
	14.4 The level of research activities by academic staff and students is satisfactory	- Bổ sung các thống kê liên quan đến thành tích NCKH của GV và SV ngành Đ-ĐT theo các năm - Cần bổ sung các minh chứng cho đầy đủ
NHẬN XÉT CHUNG		- Minh chứng cần có TÊN

	- Minh chứng cần có ký hiệu minh chứng và nội dung minh chứng để tiện theo dõi. Các minh chứng được sử dụng nhiều lần, được ký hiệu khác nhau theo từng tiêu chuẩn, nhưng tên thì giống nhau. Trong hồ sơ minh chứng thì sẽ lưu lại duy nhất trong tiêu chuẩn có chỉ số nhỏ hơn còn các ký hiệu sau sẽ tham chiếu đến đó - Cần phải thống nhất các nhóm viết báo cáo SAR để thống nhất về cách viết, format, thống nhất ký hiệu minh chứng và đánh số trang cho báo cáo tổng thể - Xem lại cách đánh số thứ tự các tiêu chuẩn - Xem lại tên các tiêu chí cho chính xác (VD trong tiêu chuẩn 6) - Tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh các minh chứng cần thiết, các minh chứng đã được liệt kê - Cần có một người đứng ra thu thập và chỉnh sửa thông tin nhận được từ các nhóm để nội dung được thống nhất và logic, xuyên suốt từ đầu đến cuối báo cáo SAR
--	---

TP.HCM, Ngày 15 tháng 12 năm 2014
 Người nhận xét, đánh giá

Đặng Trường Sơn